CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Ký ngày: 27/8/2026 16:28:36

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/07/2026.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2026: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0243.7925308
  Fax : (84) 0243.7925309
- Wesbsite : www.sachgiaoduchanoi.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Bà Lâm Quỳnh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/06/2026
• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/06/2026
• Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/06/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/06/2026
• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/06/2026
• Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/06/2026
• Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/06/2026

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24/04/2024
• Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Ngô Trọng Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2026
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/09/2019 Miễn nhiệm ngày 23/06/2026
• Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/06/2026
• Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 03/09/2024

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2026 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 0101493714 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngô Trọng Vinh

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 911/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 27/08/2026 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2026 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1.5 và Thuyết minh số 11 về dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập liên quan đến sự kiện thống nhất sử dụng một bộ sách giáo khoa kể từ năm học 2026-2027 theo Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 số 06.06.1.2/25/BCSX/NVA.CNHN ngày 25/08/2025 và Báo cáo kiểm toán hợp nhất số 06.06.1.4/25/BCTC/NVA .CNHN ngày 05/03/2026, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

M.S.D.N: 0400160761 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
P. HOÀ CƯỜNG - TP. ĐÀ NẴNG

Trần Thị Thu Hiền– Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 43/2026/TT - BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**99.052.876.960**	**98.478.394.658**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**2.301.735.271**	**7.036.498.622**
1. Tiền	111		2.301.635.271	2.025.697.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000	5.010.801.371
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**43.761.282.244**	**50.087.840.701**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	32.782.782.900	31.517.540.157
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(3.566.918.739)	(2.505.084.224)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6.b	14.545.418.083	21.075.384.768
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**36.695.070.699**	**24.250.385.866**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.446.652.015	16.465.227.922
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	522.964.030	243.651.173
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	14.335.997.851	15.261.661.837
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	10	(7.610.543.197)	(7.720.155.066)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**16.108.597.571**	**16.753.582.122**
1. Hàng tồn kho	141		18.733.108.332	19.299.725.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(2.624.510.761)	(2.546.143.856)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**186.191.175**	**350.087.347**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12.a	168.843.050	108.172.922
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		17.348.125	241.914.425
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**76.594.026.896**	**76.607.351.160**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**31.872.462.222**	**33.024.401.670**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	31.872.462.222	33.024.401.670
- Nguyên giá	*222*		*49.825.043.555*	*49.825.043.555*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(17.952.581.333)*	*(16.800.641.885)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	*228*		*63.000.000*	*63.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(63.000.000)*	*(63.000.000)*
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**594.487.508**	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	15	594.487.508	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**33.189.277.977**	**33.019.907.512**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	6.c	30.439.277.977	30.269.907.512
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	6.d	2.750.000.000	2.750.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**		**10.937.799.189**	**10.563.041.978**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12.b	10.937.799.189	10.563.041.978
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**175.646.903.856**	**175.085.745.818**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C.	**Nợ phải trả**	**300**		**28.956.898.207**	**24.855.204.869**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**27.946.511.207**	**22.681.003.869**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.902.713.568	4.669.086.857
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	812.808.429	619.015.936
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		7.348.351.038	9.854.163.438
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	18	1.078.780.188	1.383.862.823
5.	Phải trả người lao động	315		2.548.180.698	3.005.910.116
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	19	3.665.892.960	551.032.333
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320	20.a	74.612.301	4.860.341
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	21.a	3.327.628.000	2.327.628.000
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		187.544.025	265.444.025
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.010.387.000**	**2.174.201.000**
1.	Phải trả dài hạn khác	338	20.b	46.000.000	46.000.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	21.b	964.387.000	2.128.201.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**146.690.005.649**	**150.230.540.949**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	102.194.840.000	102.194.840.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*102.194.840.000*	*102.194.840.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn	412	22	669.277.482	669.277.482
3.	Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415	22	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418	22	14.199.483.599	14.199.483.599
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	17.290.993.601	23.685.041.899
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*14.668.763.059*	*17.582.746.747*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*2.622.230.542*	*6.102.295.152*
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	22	14.452.017.523	11.598.504.525
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**175.646.903.856**	**175.085.745.818**

Người đại diện theo pháp luật	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Thị Hoa	Vũ Nguyễn Lan Phương

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 43/2026/TT - BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	34.107.563.307	37.354.992.230
2. Các khoản giảm trừ	02		107.614.350	180.917.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		33.999.948.957	37.174.074.630
4. Giá vốn hàng bán	11	25	19.288.444.482	22.218.132.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**14.711.504.475**	**14.955.942.300**
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	1.873.510.457	3.955.368.215
8. Chi phí tài chính	23	27	1.277.386.347	601.649.364
Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*200.437.476*	*327.441.280*
9. Chi phí bán hàng	25	28	5.782.884.474	7.144.926.209
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	3.807.121.164	4.413.758.119
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		365.429.271	(107.689.759)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**6.083.052.218**	**6.643.287.064**
13. Thu nhập khác	31		8.890	190.909.091
14. Chi phí khác	32		810	1.040
15. Lợi nhuận khác	**40**		**8.080**	**190.908.051**
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**6.083.060.298**	**6.834.195.115**
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	996.569.592	1.028.779.796
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(142.219)
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**5.086.490.706**	**5.805.557.538**
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		2.622.230.542	3.509.498.622
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.464.260.164	2.296.058.916
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	263	352
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	263	352

Người đại diện theo pháp luật	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Thị Hoa	Vũ Nguyễn Lan Phương

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 43/2026/TT - BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**6.083.060.298**	**6.834.195.115**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	1.151.939.448	1.161.682.007
- Các khoản dự phòng	03		1.030.589.551	655.536.943
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.238.166.643)	(2.772.897.771)
- Chi phí đi vay	06	27	200.437.476	327.441.280
3. Lợi nhuận từ hđộng kdoanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**7.227.860.130**	**6.205.957.574**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.110.506.664)	(13.703.816.534)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		566.617.646	(8.424.701.898)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.204.427.669	13.976.336.434
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(435.427.339)	1.050.283.368
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.265.242.743)	(11.518.250.073)
- Chi phí đi vay đã trả	14	27	(200.437.476)	(327.441.280)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(1.351.777.523)	(390.049.799)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	7.020.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(77.900.000)	(10.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(442.386.300)**	**(13.135.182.208)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	15	(594.487.508)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	190.909.091
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6.b	6.300.000.000	6.800.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.294.704.057	3.348.941.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**7.000.216.549**	**10.339.850.927**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	1.000.000.000	2.545.141.745
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(1.163.814.000)	(1.163.814.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.128.779.600)	(11.965.863.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(11.292.593.600)**	**(10.584.535.455)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(4.734.763.351)**	**(13.379.866.736)**
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	7.036.498.622	18.785.212.765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	**70**	5	**2.301.735.271**	**5.405.346.029**

Người đại diện theo pháp luật	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Thị Hoa	Vũ Nguyễn Lan Phương

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo TT số 43/2026/TT – BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/07/2026.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Xuất bản sách và bán buôn.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 26/12/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa "Kết nối tri thức với cuộc sống" làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các sách tham khảo cho các bộ sách giáo khoa khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 3 công ty con và 2 công ty liên kết đầu tư trực tiếp và gián tiếp, như sau:

Các Công ty con được hợp nhất:

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 67,48%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 67,48%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109314156 ngày 18/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001335771 ngày 11/09/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 47,23%;
- Quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001336239 ngày 15/09/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau.

Các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty: Công ty CP Phát hành Sách giáo dục

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 21,82%.

Công ty: Công ty CP Đại Dương Solar

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 7, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 33,70%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 49,95%.

1.7. Số lượng người lao động: Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 36 người lao động.

1.8. Tính chất so sánh được của các thông tin trên Báo cáo tài chính:

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán bắt đầu/sau ngày 01/01/2026), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trừ các trường hợp Thông tư số 43/2026/TT-BTC quy định hồi tố, các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được Công ty áp dụng phi hồi tố. Các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán Công ty và ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính, được trình bày trong các thuyết minh sau của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 4.3.a)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4.3.b)

Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh số 4.11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 (bắt đầu từ 01/01/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.2 Các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền chỉ được ghi nhận tại khoản mục "Tiền và tương đương tiền" khi Công ty không bị hạn chế sử dụng các khoản tiền này.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Trước ngày 01/01/2026, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng với các chi phí mua;

Từ ngày 01/01/2026, giá gốc chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khoản cổ tức được chia bằng tiền hoặc các khoản lãi thu bằng tiền cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ:

- Đối với chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán niêm yết hoặc giá trị hợp lý chứng khoán được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của chứng khoán tại thời điểm cuối kỳ kế toán;
- Đối với chứng khoán kinh doanh không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ kế toán, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định nhất quán theo phương pháp bình quân gia quyền.

b) *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giấy tờ có giá (các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo số tiền thực chi để mua khoản đầu tư. Trường hợp có phát sinh chiết khấu/phụ trội khi mua, Công ty thực hiện phân bổ khoản chiết khấu, phụ trội đó vào doanh thu hoạt động tài chính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư. Trường hợp phần phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty có thể bị tổn thất.

c) *Đầu tư góp vốn vào Công ty khác*

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp) trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi, được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khoản phải thu có thể bị tổn thất do khách nợ chết, mất tích, bỏ trốn hoặc khó có khả năng/không có khả năng thanh toán nợ; đã lâm vào tình trạng phá sản; đang làm thủ tục phá sản, giải thể; đang bị truy tố, giam giữ, xét xử; đang thi hành án; đang mắc bệnh hiểm nghèo; đã yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được; đã khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án hoặc các lý do khác,..

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty ước tính mức trích dự phòng dựa trên phân tích tuổi nợ cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng xuất kho được xác định số lượng và giá trị theo từng lần phát sinh và hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.6 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó vượt trên mức tiêu chuẩn ban đầu. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	10 - 20

4.7 *Tài sản cố định vô hình*

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 (Đã hết khấu hao)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán; do đó, cần phân bổ các khoản chi phí này một cách phù hợp từng kỳ. Các chi phí chờ phân bổ chủ yếu tại Công ty gồm:

- Tiền thuê văn phòng đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê văn phòng.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa đến 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí chờ phân bổ khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán và được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Phải trả cổ tức, lợi nhuận.

Phải trả về cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận tại thời điểm Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông/thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan.

4.12 Chi phí phải trả.

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả tại Công ty là trích trước chi phí bản thảo, nhuận bút trên cơ sở số lượng sách thực tế nhập kho và đơn giá theo hợp đồng.

4.13 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Trước ngày 01/01/2026, chi phí đi vay (bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay) được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh.

Từ ngày 01/01/2026, các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay.

Vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Việc vốn hóa chi phí đi vay tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Trường hợp đi vay để đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết,... thì chi phí đi vay không được vốn hóa.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Cổ phiếu mua lại của chính mình là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức từ các cổ phiếu đã lưu ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được từ các Công ty khác được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn của Công ty được xác lập;
  - ✓ Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán.

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, chi phí đi vay vốn nhưng không được vốn hóa theo quy định, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư tài chính; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ hoặc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả cổ tức và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Áp dụng mức thuế suất 5% đối với các bộ đồ dùng học tập;
  - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với điện thương phẩm và các tấm pin năng lượng (Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026, Công ty áp dụng thuế suất 8% đối với các hoạt động này căn cứ theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP của Chính phủ).
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Đối với thu nhập từ hoạt động bán điện năng lượng mặt trời tại các Công ty con:

    Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế trong 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2021 là năm đầu tiên các Công ty con phát sinh doanh thu và có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động bán điện năng lượng mặt trời.

  - ✓ Đối với thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền không bị hạn chế sử dụng	30/06/2026	01/01/2026
Tiền mặt	195.943.530	368.618.061
Tiền gửi không kỳ hạn	2.105.691.741	1.657.079.190
- Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_ CN Đống Đa	*541.263.671*	*1.148.423.803*
- Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển_ CN Nam Hà Nội (*)	*1.385.898.756*	*305.294.378*
- Tại các tổ chức khác	*178.529.314*	*203.361.009*
Tương đương tiền	100.000	5.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển _ CN Ba Đình	-	*4.000.000.000*
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển _ CN Nam Hà Nội	-	*1.000.000.000*
- Tại các tổ chức khác	*100.000*	-
Lãi dự thu của các khoản tương đương tiền	-	10.801.371
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển _ CN Ba Đình	-	*9.109.590*
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển _ CN Nam Hà Nội	-	*1.691.781*
Cộng	**2.301.735.271**	**7.036.498.622**

(*) Trong đó có 1.368.283.430 đồng đã thế chấp để đảm bảo nợ vay tại BIDV Chi nhánh Nam Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Cổ phiếu niêm yết (i)	**32.740.225.450**	**36.817.691.000**	**3.544.131.539**	**31.474.982.707**	**39.799.704.000**	**2.484.132.224**
+ Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) (*)	*7.811.419.580*	*4.404.000.000*	*3.407.419.580*	*7.811.419.580*	*5.571.060.000*	*2.240.359.580*
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	*14.471.206.726*	*18.967.536.000*	-	*15.434.638.281*	*20.307.804.000*	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	*9.703.276.565*	*12.670.605.000*	-	*7.173.551.582*	*12.932.850.000*	-
+ Công ty CP Viễn thông - Tin học Bưu điện (ICT)	*487.810.620*	*645.750.000*	-	*487.810.620*	*664.200.000*	-
+ Công ty CP Than Cao Sơn - TKV (CST)	*266.511.959*	*129.800.000*	*136.711.959*	*567.562.644*	*323.790.000*	*243.772.644*
- Cổ phiếu chưa niêm yết (ii)	**42.557.450**	**19.770.250**	**22.787.200**	**42.557.450**	**21.605.450**	**20.952.000**
+ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	*42.557.450*	*19.770.250*	*22.787.200*	*42.557.450*	*21.605.450*	*20.952.000*
Cộng	**32.782.782.900**	**36.837.461.250**	**3.566.918.739**	**31.517.540.157**	**39.821.309.450**	**2.505.084.224**

(i) Giá trị hợp lý của các chứng khoán đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán được xác định căn cứ vào giá đóng cửa ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Chứng khoán của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện đang giao dịch trên sàn Upcom. Theo đó, giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

(*) Cổ phiếu BCG bị đình chỉ giao dịch kể từ ngày 09/10/2025; giá đóng cửa tại phiên giao dịch cuối cùng ngày 08/10/2025 là 2.530 đồng/cổ phiếu. Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital bị hủy tư cách công ty đại chúng từ ngày 05/08/2026 và hủy đăng ký giao dịch từ ngày 19/08/2026. Do cổ phiếu BCG không còn giá giao dịch hiện hành, để đánh giá thận trọng rủi ro đối với cổ phiếu này, Công ty đã vận dụng hướng dẫn cách tính rủi ro thị trường đối với các chứng khoán bị hủy giao dịch tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính để làm căn cứ trích lập dự phòng (2.000 đồng/cổ phiếu)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tình hình biến động các chứng khoán kinh doanh

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		
	Số lượng	**Giá trị**	**Số lượng**	**Giá trị**	**Ghi chú**
- Tổng giá trị cổ phiếu	244.100	3.546.250.000	163.300	2.281.007.257	
+ Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG)	-	-			*Tăng do mua thêm 1.780 CP*
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	-	-	*50.000*	*963.431.555*	*Giảm do bán 50.000 CP*
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	*244.100*	*3.546.250.000*	*100.000*	*1.016.525.017*	*Tăng do mua thêm 144.100 CP*
+ Các loại chứng khoán khác	-	-	*13.300*	*301.050.685*	*Giảm do bán 13.300 CP*

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	**Giá trị có thể thu hồi**	**Giá trị dự phòng**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**	**Giá trị dự phòng**
Cho vay	14.420.000.000	14.420.000.000	-	20.720.000.000	20.720.000.000	-
- Công ty cổ phần Đại Dương Solar (*)	*14.420.000.000*	*14.420.000.000*	-	*20.720.000.000*	*20.720.000.000*	-
Lãi dự thu	125.418.083	125.418.083	-	355.384.768	355.384.768	-
- Công ty cổ phần Đại Dương Solar	*125.418.083*	*125.418.083*	-	*355.384.768*	*355.384.768*	-
Cộng	**14.545.418.083**	**14.545.418.083**	**-**	**21.075.384.768**	**21.075.384.768**	**-**

(*) Cho Công ty CP Đại Dương Solar vay theo các hợp đồng vay vốn năm 2020 và được điều chỉnh bổ sung theo phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01-ESE-DD/2026/PLHĐVV ngày 01/04/2026. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 35.220.000.000 đồng. Thời hạn cho vay được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 02/04/2026 đến ngày 01/04/2027. Lãi suất cho vay là 10,2%/năm. Hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Đại Dương Solar tại Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau và Nhà máy điện mặt trời tại Thị trấn Gành Hào, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2026		01/01/2026	
	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	21,82%	6.327.362.150	21,82%	7.561.078.948
Công ty CP Đại Dương Solar	49,95%	24.111.915.827	49,95%	22.708.828.564
Cộng		**30.439.277.977**		**30.269.907.512**

d. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2026				01/01/2026	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	Đang hoạt động	3,00%	75.000	750.000.000	-	750.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng				**2.750.000.000**	**-**	**2.750.000.000**	**-**

Báo cáo tài chính gần nhất của các Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	4.516.089.023	-	1.069.348.100	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	5.781.715.769	5.781.715.769	5.781.715.769	5.781.715.769
Các đối tượng khác	19.148.847.223	1.828.827.428	9.614.164.053	1.938.439.297
Cộng	**29.446.652.015**	**7.610.543.197**	**16.465.227.922**	**7.720.155.066**

Nguyên nhân dẫn đến biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ là do Công ty thu hồi được nợ gốc được đánh giá khó đòi trong quá khứ. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập dự phòng tương ứng với số nợ gốc đã thu hồi được.

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	625.339.600	-	520.054.197	-
Cộng	**625.339.600**	**-**	**520.054.197**	**-**

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty CP Giấy Trường Xuân	191.408.400	-	-	-
Các đối tượng khác	331.555.630	-	243.651.173	-
Cộng	**522.964.030**	**-**	**243.651.173**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	2.585.890.397	-	2.292.154.165	-
- Ông Ngô Trọng Vinh	*1.960.000.000*	-	*1.960.000.000*	
- Tạm ứng khác	*625.890.397*	-	*332.154.165*	
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	2.980.000.000	-	2.980.000.000	-
- Công ty CP Đại Dương Solar	*1.000.000.000*	-	*1.000.000.000*	-
- Các đối tượng khác	*1.980.000.000*	-	*1.980.000.000*	-
Phải thu về cổ tức, LN được chia	8.163.885.585	-	9.108.885.585	-
- Công ty CP Đại Dương Solar	*8.163.885.585*	-	*9.108.885.585*	-
Phải thu khác	606.221.869	-	880.622.087	-
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	*244.378.680*	-	*518.778.898*	-
- Công ty CP In và Truyền thông Kết Thành	*361.843.189*	-	*361.843.189*	-
Cộng	**14.335.997.851**	**-**	**15.261.661.837**	**-**

10. Nợ xấu

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi (*)	Nguyên nhân dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi (*)	Nguyên nhân dự phòng
Phải thu khách hàng	8.483.797.221	873.254.024		8.260.839.271	540.684.205	
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	*5.781.715.769*	-	*Quá hạn thanh toán*	*5.781.715.769*	-	*Quá hạn thanh toán*
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	*1.171.259.230*	*689.840.277*	*Quá hạn thanh toán*	*953.678.690*	*499.791.445*	*Quá hạn thanh toán*
Các đối tượng khác	*1.530.822.222*	*183.413.747*	*Quá hạn thanh toán*	*1.525.444.812*	*40.892.760*	*Quá hạn thanh toán*
Cộng	**8.483.797.221**	**873.254.024**		**8.260.839.271**	**540.684.205**	

11. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	78.162.481	-	2.111.236	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.927.756.593	-	3.528.832.395	-
Sản phẩm	12.136.932.774	2.168.184.840	14.256.964.864	2.143.168.465
Hàng hóa	2.590.256.484	456.325.921	1.511.817.483	402.975.391
Cộng	**18.733.108.332**	**2.624.510.761**	**19.299.725.978**	**2.546.143.856**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1.5, kể từ năm học 2026–2027, bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" sẽ là bộ sách giáo khoa duy nhất được sử dụng toàn quốc. Các bộ sách tham khảo cho các bộ sách giáo khoa khác sẽ bị ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ. Tại ngày 30/06/2026, Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa là 2.115.402.109 đồng và đã trích lập dự phòng toàn bộ.
- Bên cạnh việc lập dự phòng đối với các loại sách bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất 01 bộ sách giáo khoa kể từ năm 2025–2026, tại ngày 30/06/2026 Công ty cũng đã lập dự phòng cho các mặt hàng tồn kho khác có chậm tiêu thụ, lạc hậu với tổng số tiền 509.108.652 đồng.
- Không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm 30/06/2026.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2026 là 2.704.151.853 đồng.

12. Chi phí chờ phân bổ

a. Ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí thuê kho	45.000.000	45.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.383.704	18.082.778
Các khoản khác	119.459.346	45.090.144
Cộng	**168.843.050**	**108.172.922**

b. Dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Tiền thuê văn phòng	7.948.097.851	8.073.925.255
Chi phí tổ chức bản thảo	2.332.098.846	1.856.898.846
Các khoản khác	657.602.492	632.217.877
Cộng	**10.937.799.189**	**10.563.041.978**

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1). Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% thuế GTGT) vào năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	187.869.455	3.792.107.990	2.285.461.273	43.559.604.837	49.825.043.555
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**187.869.455**	**3.792.107.990**	**2.285.461.273**	**43.559.604.837**	**49.825.043.555**
Khấu hao					
Số đầu kỳ	187.869.455	3.455.230.719	2.267.640.483	10.889.901.228	16.800.641.885
Khấu hao trong kỳ	-	50.531.592	12.417.732	1.088.990.124	1.151.939.448
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**187.869.455**	**3.505.762.311**	**2.280.058.215**	**11.978.891.352**	**17.952.581.333**
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	336.877.271	17.820.790	32.669.703.609	33.024.401.670
Số cuối kỳ	**-**	**286.345.679**	**5.403.058**	**31.580.713.485**	**31.872.462.222**

- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2026 là 31.580.713.485 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.584.532.355 đồng.
- Danh mục các tài sản chiếm 10% tổng TSCĐ hữu hình đang hiện hữu:

	30/06/2026			01/01/2026		
Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống điện mặt trời Trần Văn Thời của EBS Khánh An	10.668.535.129	2.933.847.180	7.734.687.949	10.668.535.129	2.667.133.800	8.001.401.329
Hệ thống điện mặt trời Đông Hải của EBS Khánh An	11.500.926.446	3.162.754.779	8.338.171.667	11.500.926.446	2.875.231.617	8.625.694.829
Hệ thống điện mặt trời Trần Văn Thời của EBS Phương Nam	11.540.815.031	3.173.724.114	8.367.090.917	11.540.815.031	2.885.203.740	8.655.611.291
Hệ thống điện mặt trời Đông Hải của EBS Phương Nam	9.849.328.231	2.708.565.279	7.140.762.952	9.849.328.231	2.462.332.071	7.386.996.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	**63.000.000**	**63.000.000**
Khấu hao		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	**63.000.000**	**63.000.000**
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thể chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại cuối kỳ.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 63.000.000 đồng.
- Danh mục các tài sản chiếm 10% tổng TSCĐ vô hình đang hiện hữu:

	30/06/2026			01/01/2026		
Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm Winsrr core 2016	63.000.000	63.000.000	-	63.000.000	63.000.000	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang	594.487.508	594.487.508	-	-
- Nâng cấp cải tạo TSCĐ	594.487.508	594.487.508	-	-
+ Hệ thống Điện mặt trời Đông Hải	*547.691.207*	*547.691.207*	-	-
+ Hệ thống Điện mặt trời Trần Văn Thời	*46.796.301*	*46.796.301*	-	-
Cộng	**594.487.508**	**594.487.508**	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Xí nghiệp Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	2.054.159.935	1.249.812.302
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.893.699.938	145.577.938
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	61.200.000	-
Các đối tượng khác	3.893.653.695	3.273.696.617
Cộng	**8.902.713.568**	**4.669.086.857**

Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2026	01/01/2026
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	360.918.354	360.918.354
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	629.300.000	-
Cộng	**990.218.354**	**360.918.354**

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	807.588.797	603.950.704
Các đối tượng khác	5.219.632	15.065.232
Cộng	**812.808.429**	**619.015.936**

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	30/06/2026	01/01/2026
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	807.588.797	603.950.704
Cộng	**807.588.797**	**603.950.704**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu kỳ		Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	trong kỳ	trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	28.151.999	165.075.036	31.177.274	-	162.049.761
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.227.777.523	996.569.592	1.351.777.523	-	872.569.592
Thuế thu nhập cá nhân	-	127.933.301	515.258.763	599.031.229	-	44.160.835
Cộng	**-**	**1.383.862.823**	**1.676.903.391**	**1.981.986.026**	**-**	**1.078.780.188**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Trích trước hoa hồng môi giới	-	551.032.333
Trích trước phí bản thảo, nhuận bút	3.665.892.960	-
Cộng	**3.665.892.960**	**551.032.333**

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	4.329.455	3.848.781
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	69.271.286	-
Phải trả khác	1.011.560	1.011.560
Cộng	**74.612.301**	**4.860.341**

b. Dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	46.000.000	46.000.000
Cộng	**46.000.000**	**46.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	*1.000.000.000*	-	*1.000.000.000*
- Bà Đào Thị Thanh Ban	-	*1.000.000.000*	*1.000.000.000*	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.327.628.000	1.163.814.000	1.163.814.000	2.327.628.000
- Ngân hàng Thương mại CP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	*2.327.628.000*	*1.163.814.000*	*1.163.814.000*	*2.327.628.000*
Cộng	**2.327.628.000**	**3.163.814.000**	**2.163.814.000**	**3.327.628.000**

Công ty đang vay ngắn hạn theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/13275213/HĐTD ngày 8 tháng 6 năm 2026, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Hạn mức tối đa là 5 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng 100% số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên tài khoản Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Hà Nội.
- Hợp đồng mượn tiền số 2704-EBS-ĐTB/2026/HĐMT ngày 27/04/2026, thời hạn: 1 tháng, từ ngày 28/04/2026 đến ngày 28/05/2026. Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh. Bên cho mượn thống nhất không tính lãi suất số tiền cho Công ty mượn.

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn				
- Ngân hàng Thương mại CP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	*4.455.829.000*	-	*1.163.814.000*	*3.292.015.000*
Cộng	**4,455,829,000**	-	**1,163,814,000**	**3,292,015,000**
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.327.628.000			2.327.628.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**2.128.201.000**			**964.387.000**

(*) Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 65579.20.065.8281646.TD ngày 23/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trơi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là xã Khánh Bình, tỉnh Cà Mau). Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

được ký kết giữa Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam và Công ty điện lực địa phương, Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng và Tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

- Hợp đồng vay số 66414.20.065.8273617.TD ngày 25/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 9,2 tỷ đồng trong thời hạn 84 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW tại Ấp Tham Trơi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là xã Khánh Bình, tỉnh Cà Mau). Lãi suất vay thả nổi được xác định theo văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền (Số phát hành: CP 267302; Số vào sổ cấp GCN: CS01167), Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An và Công ty điện lực địa phương, Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng/bê tông cốt thép thực hiện dự án trong suốt thời gian vay, Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà hình thành từ vốn vay ngân hàng, và Tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện nhận theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	**102.194.840.000**	**669.277.482**	**(2.116.606.556)**	**14.199.483.599**	**22.671.041.993**	**17.380.251.104**	**154.998.287.622**
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	1.795.508.476	(1.795.508.476)	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	7.190.958.630	-	7.190.958.630
Lãi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	5.213.125.969	5.213.125.969
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.972.467.200	9.199.364.072	17.171.831.272
Số dư tại 31/12/2025	**102.194.840.000**	**669.277.482**	**(2.116.606.556)**	**14.199.483.599**	**23.685.041.899**	**11.598.504.525**	**150.230.540.949**
Số dư tại 01/01/2026	**102.194.840.000**	**669.277.482**	**(2.116.606.556)**	**14.199.483.599**	**23.685.041.899**	**11.598.504.525**	**150.230.540.949**
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	(1.043.811.640)	1.039.752.833	(4.058.807)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.622.230.542	-	2.622.230.542
Lãi trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	2.464.260.165	2.464.260.165
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.972.467.200	650.500.000	8.622.967.200
Số dư tại 30/06/2026	**102.194.840.000**	**669.277.482**	**(2.116.606.556)**	**14.199.483.599**	**17.290.993.601**	**14.452.017.523**	**146.690.005.649**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	**102.194.840.000**	**102.194.840.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.972.467.200	7.972.467.200

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	*10.219.484*	*10.219.484*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	*253.900*	*253.900*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	*9.965.584*	*9.965.584*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	23.685.041.899	22.671.041.993
Điều chỉnh do Hợp nhất	(1.043.811.640)	1.795.508.476
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.622.230.542	7.190.958.630
Phân phối lợi nhuận	7.972.467.200	7.972.467.200
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	7.972.467.200	7.972.467.200
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	*7.972.467.200*	*7.972.467.200*
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**17.290.993.601**	**23.685.041.899**

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/SGDHN ngày 30/03/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 30/03/2026 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 8% vốn điều lệ (tương ứng 7.972.467.200 đồng). Công ty chốt danh sách cổ đông chia cổ tức vào ngày: 23/02/2026, ngày thực hiện: 28/04/2026.

23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a. Tài sản thuê ngoài

- Theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 010725/HĐKT/ADC-EBS ngày 01 tháng 07 năm 2025 với Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông, Công ty thuê một phần tài sản trên đất tại Thôn Lưu Phái, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, với diện tích 750 m², mục đích sử dụng làm kho chứa hàng hóa. Trong đó:
  - Thời hạn thuê: 63 tháng, từ ngày 15/07/2025 đến ngày 15/10/2030;
  - Phương thức nộp tiền: thanh toán định kỳ 06 tháng/lần.
- Theo Hợp đồng thuê dài hạn diện tích văn phòng số 000997/2014/HĐTVP-VC1 ngày 17/09/2014 với Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (Vinaconex1), Công ty thuê văn phòng tại lô D-2.1 tầng 2 nhà D thuộc Dự án Khu Văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1, số 289A Đường Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (nay là Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội), với diện tích sử dụng là 797,51 m², mục đích sử dụng làm Văn phòng Công ty. Trong đó:
  - Thời hạn thuê: 44 năm, từ ngày 15/10/2014 đến ngày 01/02/2058;
  - Phương thức nộp tiền: thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% thuế GTGT) vào năm 2014.

b. Tài sản nhận thế chấp

	30/06/2026			
Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Đối tượng cầm cố, thế chấp
Nhà máy điện mặt trời Khánh An	10.121.569.735	3.013.381.328	7.108.188.408	Công ty CP Đại Dương Solar
Nhà máy điện mặt trời Đông Hải	13.133.531.665	3.064.151.796	10.069.379.869	Công ty CP Đại Dương Solar
Nhà máy điện mặt trời Trần Văn Thời	12.037.309.217	3.013.381.328	9.023.927.890	Công ty CP Đại Dương Solar

c. Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp

Tài sản	Kỳ hạn	Giá trị tài sản	Đối tượng nhận cầm cố, thế chấp
Tiền gửi không kỳ hạn	12 tháng	1.368.283.430	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển_ CN Nam Hà Nội
TSCĐ hữu hình - Nhà máy điện mặt trời Trần Văn Thời	84 tháng	22.209.350.160	Ngân hàng TMCP Quân đội_CN Hai Bà Trưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Doanh thu sách tham khảo	28.658.204.055	32.120.790.053
Doanh thu bán điện mặt trời	5.449.359.252	5.234.202.177
Cộng	**34.107.563.307**	**37.354.992.230**

b. Doanh thu từ các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Doanh thu sách tham khảo	617.110.086	804.091.320
- Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	*617.110.086*	*804.091.320*
Cộng	**617.110.086**	**804.091.320**

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Giá vốn sách tham khảo	17.964.029.035	20.441.120.633
Giá vốn hoạt động bán điện mặt trời	1.246.048.542	1.123.745.034
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	78.366.905	653.266.663
Cộng	**19.288.444.482**	**22.218.132.330**

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	946.877.714	1.671.071.334
Lãi do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	805.872.743	1.260.946.881
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền	120.760.000	1.023.350.000
Cộng	**1.873.510.457**	**3.955.368.215**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí đi vay	200.437.476	327.441.280
Chi phí mua, bán chứng khoán	15.114.356	1.953.605
Dự phòng / (Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.061.834.515	272.254.479
Cộng	**1.277.386.347**	**601.649.364**

28. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Tiền lương nhân viên bán hàng	3.334.310.098	3.917.699.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.531.592	59.563.049
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	195.408.194	119.361.000
Chi phí thuê kho	270.000.000	387.399.560
Các khoản khác	1.932.634.590	2.660.903.155
Cộng	**5.782.884.474**	**7.144.926.209**

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	-	1.388.889
Chi phí nhân viên	2.530.313.167	3.073.228.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.417.732	13.128.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.422.448	1.168.194.820
Các khoản khác	318 579 686	427 801 752
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(109.611.869)	(269.984.199)
Cộng	**3.807.121.164**	**4.413.758.119**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.083.060.298	6.834.195.115
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	877.615.234	195.247.620
- Điều chỉnh tăng	1.363.804.505	1.110.907.861
+ Lỗ tính thuế tại Công ty con	*1.282.304.505*	*1.028.702.754*
+ Chi phí không được trừ theo Luật thuế	*81.500.000*	*81.494.005*
+ Lỗ nội bộ đã thực hiện	-	*711.102*
- Điều chỉnh giảm	486.189.271	915.660.241
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	*120.760.000*	*1.023.350.000*
+ Lãi/lỗ đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	*365.429.271*	*(107.689.759)*
Tổng thu nhập chịu thuế	6.960.675.532	7.029.442.735
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không được hưởng ưu đãi)	*3.005.020.390*	*3.258.355.231*
+ Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời (được hưởng ưu đãi)	*3.955.655.142*	*3.771.087.504*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.392.135.106	1.405.888.547
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không được hưởng ưu đãi)	*601.004.078*	*651.671.046*
+ Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời (được hưởng ưu đãi)	*791.131.028*	*754.217.501*
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	395.565.514	377.108.751
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không được hưởng ưu đãi)	-	-
+ Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời (được hưởng ưu đãi)	*395.565.514*	*377.108.751*
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	996.569.592	1.028.779.796
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không được hưởng ưu đãi)	*601.004.078*	*651.671.046*
+ Thu nhập từ bán điện năng lượng mặt trời (được hưởng ưu đãi)	*395.565.514*	*377.108.750*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**996.569.592**	**1.028.779.796**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	*996.569.592*	*1.028.779.796*
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.622.230.542	3.509.498.622
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.622.230.542	3.509.498.622
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	9.965.584
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	**263**	**352**

- Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 ngày 30/03/2026 không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu trong 6 tháng đầu năm 2026 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.742.296.838	5.561.025.242
Chi phí nhân công	5.864.623.265	6.990.927.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.151.939.448	1.161.682.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.216.064.218	15.387.385.403
Chi phí khác bằng tiền	4.903.526.352	4.675.796.538
Cộng	**28.878.450.120**	**33.776.816.658**

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm giáo dục, kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp và kinh doanh điện năng mặt trời với một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	*Hoạt động kinh doanh các sản phẩm giáo dục*		*Hoạt động kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp*		*Hoạt động kinh doanh điện năng lượng mặt trời*		*Loại trừ*		*Tổng cộng*	
	6 tháng đầu năm 2026	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*
Doanh thu bộ phận	28.550.589.705	31.939.872.453	-	-	5.449.359.252	5.234.202.177	-	-	33.999.948.957	37.174.074.630
Chi phí bộ phận	27.256.233.736	32.331.108.385	328.809.301	270.440.194	1.293.407.033	1.174.556.977	-	711.102	28.878.450.120	33.776.816.658
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	**1.294.355.919**	**(391.235.932)**	**(328.809.301)**	**(270.440.194)**	**4.155.952.219**	**4.059.645.200**	**-**	**(711.102)**	**5.121.498.837**	**3.397.257.972**
Chi phí tài chính	1.076.948.871	312.896.401	1.876.167.123	2.244.612.329	200.437.476	288.752.963	(1.876.167.123)	(2.244.612.329)	1.277.386.347	601.649.364
Doanh thu tài chính	4.368.365.252	6.062.935.508	922.671.919	1.486.349.769	140.399	195.267	(3.417.667.123)	(3.594.112.329)	1.873.510.457	3.955.368.215
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	**3.291.416.391**	**5.750.039.107**	**(953.495.204)**	**(758.262.560)**	**(200.297.077)**	**(288.557.696)**	**(1.541.500.000)**	**(1.349.500.000)**	**596.124.110**	**3.353.718.851**
Lãi hoặc lô trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	365.429.271	(107.689.759)
Thu nhập khác	8.890	190.909.091	-	-		-	-	-	8.890	190.909.091
Chi phí khác	810	1.040	-	-	-	-	-	-	810	1.040
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	**8.080**	**190.908.051**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8.080**	**190.908.051**
Lợi nhuận trước thuế									6.083.060.298	6.834.195.115
Chi phí thuế TNDN hiện hành									996.569.592	1.028.779.796
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									-	(142.219)
Lợi nhuận sau thuế TNDN									**5.086.490.706**	**5.805.557.538**
	30/06/2026	**01/01/2026**	**30/06/2026**	**01/01/2026**	**30/06/2026**	**01/01/2026**	**30/06/2026**	**01/01/2026**	**30/06/2026**	**01/01/2026**
Tài sản ngắn hạn	110.539.082.746	107.181.840.691	35.851.412.671	43.693.366.480	232.679.904	595.958.451	(47.570.298.361)	(52.992.770.964)	99.052.876.960	98.478.394.658
Tài sản dài hạn	29.874.547.926	29.562.740.039	26.980.000.000	26.980.000.000	32.175.200.993	32.669.703.609	(12.435.722.023)	(12.605.092.488)	76.594.026.896	76.607.351.160
Tổng tài sản	**140.413.630.672**	**136.744.580.730**	**62.831.412.671**	**70.673.366.480**	**32.407.880.897**	**33.265.662.060**	**(60.006.020.384)**	**(65.597.863.452)**	**175.646.903.856**	**175.085.745.818**
Nợ ngắn hạn	17.847.844.530	10.191.103.700	39.959.806.313	44.519.455.617	17.709.158.725	20.963.215.516	(47.570.298.361)	(52.992.770.964)	27.946.511.207	22.681.003.869
Nợ dài hạn	46.000.000	46.000.000	-	-	964.387.000	2.128.201.000	-	-	1.010.387.000	2.174.201.000
Tổng nợ	**17.893.844.530**	**10.237.103.700**	**39.959.806.313**	**44.519.455.617**	**18.673.545.725**	**23.091.416.516**	**(47.570.298.361)**	**(52.992.770.964)**	**28.956.898.207**	**24.855.204.869**
	6 tháng đầu năm 2026	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*	*6 tháng đầu năm 2026*	*6 tháng đầu năm 2025*
Khấu hao	62.949.324	71.980.781	-	-	1.088.990.124	1.088.990.124	-	711.102	1.151.939.448	1.161.682.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, các khoản vay phát sinh nhỏ và tạm thời trong thời gian ngắn; Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Với lĩnh vực điện năng lượng mặt trời có đặc điểm là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất của Công ty cộng với chính sách quản lý về giá như trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty Điện lực. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Với đặc điểm kinh doanh mua bán điện năng lượng mặt trời tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.902.713.568	-	8.902.713.568
Chi phí phải trả	3.665.892.960	-	3.665.892.960
Vay và nợ thuê tài chính	3.327.628.000	964.387.000	4.292.015.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	7.348.351.038	-	7.348.351.038
Phải trả khác	1.011.560	46.000.000	47.011.560
Cộng	**23.245.597.126**	**1.010.387.000**	**24.255.984.126**

01/01/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.669.086.857	-	4.669.086.857
Chi phí phải trả	551.032.333	-	551.032.333
Vay và nợ thuê tài chính	2.327.628.000	2.128.201.000	4.455.829.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	9.854.163.438	-	9.854.163.438
Phải trả khác	1.011.560	46.000.000	47.011.560
Cộng	**17.402.922.188**	**2.174.201.000**	**19.577.123.188**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.301.735.271	-	2.301.735.271
Đầu tư tài chính	43.761.282.244	2.750.000.000	46.511.282.244
Phải thu khách hàng	21.836.108.818	-	21.836.108.818
Phải thu khác	11.750.107.454	-	11.750.107.454
Cộng	**79.649.233.787**	**2.750.000.000**	**82.399.233.787**

01/01/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.036.498.622	-	7.036.498.622
Đầu tư tài chính	50.087.840.701	2.750.000.000	52.837.840.701
Phải thu khách hàng	8.745.072.856	-	8.745.072.856
Phải thu khác	12.969.507.672	-	12.969.507.672
Cộng	**78.838.919.851**	**2.750.000.000**	**81.588.919.851**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên):

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đại Dương Solar	Công ty liên kết

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	777.129.629	710.630.555
	Mua vật tư	9.983.285	-
Giao dịch khác			
Công ty CP Đại Dương Solar	Thu tiền cho vay	6.300.000.000	6.800.000.000
	Lãi cho vay	922.504.768	1.483.686.411
	Cổ tức chia	-	4.559.279.017

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	30/06/2026	01/01/2026
Công ty CP Đại Dương Solar	Cho vay	14.545.418.083	21.075.384.768
	Phải thu khác	9.163.885.585	10.108.885.585
	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	6.818.864.331	9.828.864.331
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải thu khác	244.378.680	518.778.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Bà Lâm Quỳnh Hương	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	15.272.727	15.000.000
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	20.727.273	21.000.000
	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/06/2026)	Lương, thưởng	30.910.922	90.970.512
Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	16.800.000	16.800.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/06/2026)	Lương, thưởng	389.518.355	386.995.954
Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	9.000.000	9.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	-	3.800.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	6.000.000	2.200.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	380.075.053	268.381.351
	Thư ký	Thù lao	6.000.000	6.000.000

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo tình hình tài chính	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2026 (Đã trình bày lại) VND	Số liệu tại ngày 01/01/2026 VND	Chênh lệch VND
Các khoản tương đương tiền	112	5.010.801.371	5.000.000.000	10.801.371
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	21.075.384.768	-	21.075.384.768
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	20.720.000.000	(20.720.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	135	15.261.661.837	15.627.847.976	(366.186.139)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	9.854.163.438	-	9.854.163.438
Phải trả ngắn hạn khác	320	4.860.341	9.859.023.779	(9.854.163.438)

Luân chuyển tiền tệ	Mã số	6 tháng đầu năm 2025 (Đã trình bày lại) VND	6 tháng đầu năm 2025 VND	Chênh lệch VND
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(2.772.897.771)	(2.777.640.666)	4.742.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.135.182.208)	(13.139.925.103)	4.742.895
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.348.941.836	3.353.684.731	(4.742.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.339.850.927	10.344.593.822	(4.742.895)

Người đại diện theo pháp luật	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Ngô Trọng Vinh	Nguyễn Thị hoa	Vũ Nguyễn Lan Phương

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026